

Bản án số: 01/2017/KDTM-ST
Ngày 06 tháng 03 năm 2017
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH BẠC LIÊU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phan Công Trí.

Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Khuru Liên Dung.

2- Ông Lê Tuấn Kiệt.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đặng Văn Kép - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Mỹ Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 03 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2016/TLST-KDTM ngày 06 tháng 01 năm 2016 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2016/QĐST-KDTM ngày 06 tháng 12 năm 2016 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* **NHPTNTVN.**

Địa chỉ: phường MĐ, quận TL, Tp. Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông TVC - Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh thành phố B; Địa chỉ: khóm C, phường D, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (Văn bản ủy quyền số 32/NHN₀TPBL-GUQ ngày 06/03/2017).

** Bị đơn:* Bà **TTH**, sinh năm 1957 - Chủ DNTNTMDVTH.

Địa chỉ: khóm A, phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **LVT**, sinh năm 1958.

2. Chị **LTM**, sinh năm 1979.

3. Anh **LCT**, sinh năm 1981.

4. Anh **LHT**, sinh năm 1997.

5. Chị **LHY**, sinh năm 1999.

6. Chị **LHQ**, sinh năm 2007.

7. Chị **LHC**, sinh năm 2008.

Cùng địa chỉ: khóm A, phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người giám hộ cho THT: Anh LCT (sinh năm 1981) và chị LTM (sinh năm 1979) – Là cha mẹ ruột của anh LHT.

Người đại diện theo pháp luật cho LHY, LHQ và LHC: Anh LCT (sinh năm 1981) và chị LTM (sinh năm 1979) – Là cha mẹ ruột của LHY, LHQ và LHC.

(Ông TVC, bà TTH và chị LTM có mặt tại phiên tòa.

Ông LVT và anh LCT vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện ngày 25/11/2015, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa hôm nay, ông TVC là đại diện theo ủy quyền NHNNPTNTVN là nguyên đơn trong vụ án trình bày: Ngày 03/10/2011, NHNNPTNTVN – Chi nhánh thành phố B (gọi tắt là Ngân hàng) và bà TTH - Chủ DNTNTMDVTH có ký hợp đồng tín dụng số 79/11/F3/HĐTD, cụ thể như sau: Hạn mức tín dụng theo hợp đồng là 5.500.000.000 đồng. Mục đích xin vay là để kinh doanh mua bán đồ điện gia dụng. Thời hạn hiệu lực của hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; thời hạn cho vay cụ thể của mỗi lần giải ngân do hai bên thỏa thuận, được ghi trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng. Phương thức áp dụng lãi suất theo từng giấy nhận nợ; mức lãi suất theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thỏa thuận tại Điều 12 của hợp đồng. Thời hạn trả nợ gốc theo đúng thời hạn ghi tại giấy nhận nợ hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng, trả lãi vào ngày 28 của tháng thứ 3 kể từ ngày nhận nợ.

Căn cứ vào đơn xin giải chấp và giấy đề nghị điều chỉnh hạn mức tín dụng cùng ngày 06/12/2011 của bà TTH, ngày 06/12/2011 giữa Ngân hàng với bà TTH có ký kết phụ kiện hợp đồng số 107/11/F3 điều chỉnh giảm hạn mức tín dụng xuống còn 4.300.000.000 đồng. Ngày 15/6/2012 bà TTH nhận nợ số tiền 4.300.000.000 đồng; Thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 14/12/2012. Lãi suất tiền vay tại thời điểm nhận nợ là 15,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm quá hạn.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay trên, ngày 03/10/2011 NHNNPTNTVN – Chi nhánh thành phố B với bà TTH và ông LVT có ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 79A/11/F3, theo đó bà TTH và ông LVT thế chấp quyền sử dụng diện tích đất 52,26m²; thuộc thửa đất số 37; tờ bản đồ số 11; Nhà ở tổng diện tích sử dụng 107,64m², diện tích xây dựng 52,26m², 02 tầng; tọa lạc tại phường B, thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh Bạc Liêu theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 9110020203 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu cấp cho ông LVT và bà TTH ngày 30/8/1999.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà TTH đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Từ khi khoản vay đến hạn trả lãi, kỳ trả gốc và khi khoản vay chuyển sang nợ quá hạn thì Ngân hàng có nhiều lần làm việc, động viên nhắc nhở việc trả nợ, bà TTH đã cam kết trả nợ nhiều lần nhưng không thực hiện được. Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bà TTH cho thấy bà TTH thiếu thiện chí, cố tình trì hoãn việc trả nợ cho Ngân hàng, vi phạm hợp đồng đã ký kết và gây thiệt hại cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng yêu cầu bà TTH - Chủ DNTNTMDVTH phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số nợ gốc còn nợ lại là 4.271.000.000 đồng và phần tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán dứt điểm số nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, tiền lãi tạm tính đến hết ngày 05/03/2017 là 3.176.292.722 đồng. Tổng số tiền tính đến hết ngày 28/6/2016 là 7.447.292.722 đồng. Trong trường hợp bà TTH không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

* Tại Bản tự khai ngày 11/3/2016, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa, bị đơn là bà TTH - Chủ DNTNTMDVTH trình bày: Bà thống nhất với NHNNPTNTVN về việc ký kết cũng như thực hiện hợp đồng. Ngày 03/10/2011, bà và NHNNPTNTVN – Chi nhánh thành phố B có ký hợp đồng tín dụng số 79/11/F3/HĐTD, cụ thể như sau: Hạn mức tín dụng theo hợp đồng là 5.500.000.000 đồng. Mục đích xin vay là để kinh doanh mua bán đồ điện gia dụng. Thời hạn hiệu lực của hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; thời hạn cho vay cụ thể của mỗi lần giải ngân do hai bên thỏa thuận, được ghi trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng. Phương thức áp dụng lãi suất theo từng giấy nhận nợ; mức lãi suất theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thỏa thuận tại Điều 12 của hợp đồng. Thời hạn trả nợ gốc theo đúng thời hạn ghi tại giấy nhận nợ hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng, trả lãi vào ngày 28 của tháng thứ 3 kể từ ngày nhận nợ. Ngày 06/12/2011 bà có nộp đơn xin giải chấp và đề nghị điều chỉnh hạn mức tín dụng nên giữa Ngân hàng với bà có ký kết phụ kiện hợp đồng số 107/11/F3 điều chỉnh giảm hạn mức tín dụng xuống còn 4.300.000.000 đồng. Đến ngày 15/6/2012 bà nhận nợ số tiền 4.300.000.000 đồng; Thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 14/12/2012. Lãi suất tiền vay tại thời điểm nhận nợ là 15,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm quá hạn.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay trên, bà cùng với chồng là ông LVT và Ngân hàng có ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 79A/11/F3, theo đó bà TTH và ông LVT thế chấp quyền sử dụng diện tích đất 52,26m²; thuộc thửa đất số 37; tờ bản đồ số 11; Nhà ở tổng diện tích sử dụng 107,64m², diện tích xây dựng 52,26m², 02 tầng; tọa lạc tại phường B, thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh Bạc Liêu theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 9110020203 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu cấp cho ông LVT và bà TTH ngày 30/8/1999.

Quá trình làm việc tại Tòa án và Tại phiên tòa, bà TTH đồng ý đến hết ngày 05/03/2017 thì bà còn nợ NHNNPTNTVN số nợ gốc là 4.271.000.000 đồng, tiền lãi là 3.176.292.722 đồng. Tổng số tiền nợ vốn và lãi tính hết ngày 05/03/2017 là 7.447.292.722 đồng. Bà TTH đồng ý trả số nợ trên theo yêu cầu của Ngân hàng nhưng do gặp khó khăn về kinh tế nên bà yêu cầu Ngân hàng tạo điều kiện cho bà trả dần số nợ trên, trong trường hợp bà không trả được nợ thì đồng ý cho bán đấu giá tài sản đã thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng. Nhưng sau khi bán đấu giá tài sản, Ngân hàng phải trả lại cho chị LTM và anh LCT 2.000.000.000đ tiền đã hùn vào cất nhà.

* Tại bản tự khai ngày 09/6/2016, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay, chị LTM là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày: Vào thời

điểm năm 2006 cha mẹ chồng chị là ông LVT và bà TTH xây cất căn nhà phường B, thành phố B do thiếu tiền nên chị có về nhà mẹ ruột chị là bà DTĐ mượn số tiền 2.000.000.000 đồng về để hùn với cha mẹ chồng chị xây cất nhà, lúc cha mẹ chồng chị thế chấp nhà cho Ngân hàng thì chị không hay biết gì. Đối với việc Ngân hàng yêu cầu bà TTH trả nợ theo hợp đồng đã ký kết thì chị không có ý kiến gì, Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp trong trường hợp bà TTH không trả được nợ thì chị đồng ý cho phát mãi tài sản thế chấp nhưng khi phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì chị yêu cầu Ngân hàng trả lại cho vợ chồng chị số tiền 2.000.000.000 đồng mà vợ chồng chị đã hùn vào để xây cất căn nhà khóm A, phường B, thành phố B cùng với ông LVT và bà TTH.

* Tại bản tự khai ngày 09/6/2016, bản tự khai ngày 06/12/2016 và biên bản lấy lời khai ngày 07/02/2017, ông LVT là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày: Năm 2006 vợ chồng ông có xây cất căn nhà khóm A, phường B, thành phố B nhưng thiếu tiền nên vợ chồng LCT và LTM có hùn số tiền 2.000.000.000 đồng để cùng cất nhà, do để làm tin nên ông có làm giấy tay xác nhận có nhận của LTM và LCT 2.000.000.000 đồng, do người trong nhà nên không có làm giấy tờ gì khác, khi vợ chồng ông thế chấp tài sản cho Ngân hàng thì LTM và LCT không hay biết. Đối với việc NHNNPTNTVN khởi kiện yêu cầu bà TTH trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết thì ông không có ý kiến gì. Ông thống nhất với Ngân hàng và bà TTH về việc vợ chồng ông có ký kết với Ngân hàng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp thì ông đồng ý, ông không có ý kiến gì và không có yêu cầu gì trong vụ kiện.

* Tại bản tự khai ngày 13/6/2016, bản tự khai ngày 06/12/2016 và biên bản lấy lời khai ngày 22/02/2017, anh LCT là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày: Trước đây khi cha mẹ anh là ông LVT và bà TTH xây cất căn nhà phường B, thành phố B thì không đủ tiền nên anh và vợ anh là LTM về nhà mẹ ruột của LTM mượn số tiền 2.000.000.000 đồng về đưa cho cha mẹ anh để hùn xây cất nhà, sau đó cha mẹ anh đem thế chấp cho Ngân hàng, vợ chồng anh đều không hay biết việc này. Nay đối với việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà TTH trả nợ theo hợp đồng đã ký kết thì anh không có ý kiến gì, đối với yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp trong trường hợp bà TTH không trả được nợ thì anh đồng ý cho phát mãi tài sản thế chấp nhưng anh yêu cầu Ngân hàng phải trả lại cho vợ chồng anh số tiền 2.000.000.000 đồng mà vợ chồng anh đã đưa cho cha mẹ anh để hùn xây cất căn nhà phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, anh không có yêu cầu gì khác, anh thống nhất với ý kiến của chị LTM.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B trình bày: Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, xét thấy Tòa án nhân dân thành phố B đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố B không có ý kiến gì về thủ tục tố tụng. Về nội dung vụ án: Xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bà TTH phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, trường hợp bà TTH không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền bán đấu giá tài sản

thể chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Xét thấy không đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu độc lập của chị LTM và anh LCT.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

* Về thẩm quyền giải quyết vụ án: NHNNPTNTVN khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bà TTH là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận; bị đơn bà TTH trú tại khóm A, phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về thủ tục tố tụng: Ngày 06/12/2016, ông LVT và anh LCT là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ kiện có đơn yêu cầu xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông LVT và anh LCT theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về nội dung vụ án:

1/ Về hợp đồng tín dụng:

Ngày 03/10/2011, bà TTH có ký hợp đồng tín dụng số 79/11/F3/HĐTD với NHNNPTNTVN – chi nhánh thành phố B với hạn mức tín dụng 5.500.000.000 đồng, đến ngày 06/12/2011 Ngân hàng và bà TTH ký phụ kiện hợp đồng tín dụng số 107/11/F3 điều chỉnh hạn mức tín dụng xuống còn 4.300.000.000 đồng, ngày 15/6/2012 bà TTH đã nhận nợ số tiền 4.300.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà TTH không thanh toán nợ vay cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và giấy nhận nợ nên đã vi phạm nghĩa vụ của người vay. Do đó, NHNNPTNTVN khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bà TTH là có cơ sở.

Xét yêu cầu của NHNNPTNTVN yêu cầu bà TTH trả số nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa hôm nay, đại diện NHNNPTNTVN và bà TTH thống nhất xác định: Tính đến ngày 05/03/2017 bà TTH đã trả được 29.000.000 đồng tiền vốn gốc, 7.405.556 đồng tiền lãi và hiện còn nợ lại Ngân hàng số tiền vốn 4.271.000.000 đồng và 3.176.292.722 đồng tiền lãi. Trong quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa bà TTH đều thống nhất với quá trình ký kết hợp đồng, thực hiện hợp đồng với Ngân hàng, bà TTH thống nhất với số nợ của Ngân hàng và đồng ý trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng. Do đó, NHNNPTNTVN khởi kiện yêu cầu bà TTH trả số tiền nêu trên là có căn cứ nên được chấp nhận.

Đối với yêu cầu của bà TTH yêu cầu Ngân hàng tạo điều kiện cho bà trả nợ dần cho đến khi thanh toán dứt nợ, đại diện Ngân hàng không đồng ý với yêu cầu của bà TTH. Hội

đồng xét xử thấy rằng về thời hạn cũng như cách thức trả nợ do các bên không thống nhất và không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Về hợp đồng thế chấp tài sản:

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay trên, ngày 03/10/2011 Ngân hàng với ông LVT và bà TTH có ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 79A/11/F3/HĐTC, theo đó ông LVT và bà TTH thế chấp quyền sử dụng diện tích đất 52,26m²; thuộc thửa 37; tờ bản đồ số 11; tọa lạc tại phường B, thành phố B cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất. Ngày 30/03/2016, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tài sản thế chấp, diện tích đất thế chấp không có gì thay đổi, riêng đối với diện tích sử dụng hiện tại 271,44m², đã tăng lên so với giấy chứng nhận được cấp. Bà TTH, ông LVT và những người liên quan đều xác định trong quá trình sử dụng thì đã xây cất thêm nên mới có tài sản như hiện tại. Ông LVT và bà TTH đều thống nhất nội dung hợp đồng đã ký kết và đồng ý với yêu cầu của Ngân hàng, chị LTM và anh LCT cũng không có yêu cầu gì đối với hợp đồng thế chấp. Vì vậy, trong trường hợp bà TTH không thanh toán được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền bán đấu giá tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

3. Về yêu cầu độc lập của chị LTM và anh LCT:

Xét yêu cầu của chị LTM và anh LCT yêu cầu NHNNPTNTVN trả số tiền 2.000.000.000 đồng khi phát mãi tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong đơn yêu cầu độc lập và biên bản xác định ý kiến chị LTM và anh LCT đều thống nhất xác định năm 2006 khi ông LVT và bà TTH xây cất căn nhà tại khóm A, phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu thì do thiếu tiền nên chị LTM đã về nhà mẹ ruột của chị LTM là bà DTĐ mượn số tiền 2.000.000.000 đồng về cho ông LVT và bà TTH mượn, tại biên bản xác định ý kiến ngày 10/6/2016 chị LTM xác định khi đưa tiền cho cha mẹ chồng thì không có làm giấy tờ gì vì là người thân trong gia đình nhưng đến ngày 19/10/2016 chị LTM nộp cho Tòa án giấy nhận tiền đề ngày 06/6/2006 thể hiện ông LVT có nhận của chị LTM số tiền 2.000.000.000 đồng hùn vào xây nhà, cho thấy lời khai của chị LTM không thống nhất, trong quá trình làm việc tại Tòa án thì bà TTH xác định vợ chồng bà có mượn của chị LTM 2.000.000.000 đồng để xây cất nhà nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 07/02/2017 và tại phiên tòa thì bà TTH xác định vợ chồng bà không có mượn của vợ chồng LTM và LCT số tiền 2.000.000.000 đồng mà số tiền này là LTM và LCT hùn vô để xây cất nhà, bà TTH không có chứng cứ gì chứng minh về việc này. Tại biên bản lấy lời khai của chị LTM ngày 18/01/2017, anh LCT ngày 22/02/2017, ông LVT và bà TTH ngày 07/02/2017 cũng như tại phiên tòa đều xác định anh LCT và chị LTM mượn của mẹ ruột chị LTM 2.000.000.000 đồng về để hùn vô đóng góp để xây cất căn nhà khóm A, phường B, thành phố B, do trong gia đình nên không làm giấy tờ gì và do anh LCT là con một nên tài sản sau này sẽ do anh LCT quản lý. Biên nhận chỉ do ông LVT và bà TTH ký mà không có bất kỳ sự chứng kiến hay xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, anh LCT và chị LTM cũng không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh có hùn số tiền 2.000.000.000 đồng khi xây cất nhà, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Mặt khác, tại phiên tòa hôm nay bà TTH cho rằng thời gian vay ngân hàng rất lâu, vào khoảng năm 1999, đến năm 2011 mới cơ cấu

lại nợ như hiện nay, nếu lời trình bày của bà Huệ là có cơ sở thì Hội đồng xét xử thấy rằng: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở cấp cho ông LVT và bà TTH vào năm 1999 đã thể hiện có căn nhà bằng gạch, hai tầng, cho thấy đã hiện hữu căn nhà trên, trong quá trình sử dụng ông LVT và bà TTH đã thay đổi làm tăng giá trị căn nhà (xây thêm tầng) nhưng không thông báo cho Ngân hàng biết, xem như ông LVT và bà TTH đã chấp nhận phần tài sản tăng thêm thuộc tài sản thế chấp.

Trường hợp bà TTH không có khả năng trả nợ và dẫn đến bán đấu giá tài sản thì Ngân hàng cũng chỉ thu hồi đủ vốn và lãi mà bà TTH nợ Ngân hàng, do đó anh LCT và chị LTM không yêu cầu ông LVT, bà TTH trả mà yêu cầu Ngân hàng trả số tiền 2.000.000.000 đồng trong trường hợp bán đấu giá tài sản thế chấp là không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm:

- NHNNPTNTVN không phải chịu án phí.

- Bà TTH - Chủ DNTNTMDVTH có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 7.447.292.722 đồng nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 115.447.293 đồng. Ông LVT là chủ hộ có Đơn xin giảm án phí và có xác nhận hoàn cảnh kinh tế khó khăn ngày 26/12/2016 nên được giảm $\frac{1}{2}$ án phí. Vì vậy, bà TTH phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 57.723.646 đồng.

- Anh LCT và chị LTM bị bác toàn bộ yêu cầu độc lập là 2.000.000.000 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 72.000.000đ. Anh LCT và chị LTM có Đơn xin giảm án phí và có xác nhận hoàn cảnh kinh tế khó khăn ngày 26/12/2016 nên được giảm $\frac{1}{2}$ án phí. Vì vậy, anh LCT và chị LTM phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 36.000.000 đồng.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà TTH phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 600.000 đồng. NHNNPTNTVN đã nộp và chi xong, bà TTH phải hoàn trả lại cho Ngân hàng 600.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 471, Điều 474, Điều 717, Điều 718, Điều 721 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điểm a Khoản 3 Điều 98, Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng, Điều 319 Luật Thương mại; Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 12.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của NHNNPTNTVN đối với bà TTH.

1.1/ Buộc bà TTH - Chủ DNTNTMDVTH có nghĩa vụ trả cho NHNNPTNTVN (do NHNNPTNTVN - Chi nhánh thành phố B đại diện nhận) số tiền vốn vay là 4.271.000.000 đồng và lãi suất phát sinh đến hết ngày 05/3/2017 là 3.176.292.722 đồng. Tổng vốn và lãi là 7.447.292.722 đồng (Bảy tỷ bốn trăm bốn mươi bảy triệu hai trăm chín mươi hai ngàn bảy trăm hai mươi hai đồng).

1.2/ Từ ngày 06/3/2017, bà TTH - Chủ DNTNTMDVTH còn phải thanh toán cho NHNNPTNTVN (NHNNPTNTVN - Chi nhánh thành phố B đại diện nhận) số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án với lãi suất đã thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng đã ký giữa NHNNPTNTVN - Chi nhánh thành phố B với bà TTH.

1.3/ Trường hợp bà TTH không thanh toán nợ cho NHNNPTNTVN thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền bán đấu giá tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng diện tích đất 52,26m²; thuộc thửa 37; tờ bản đồ số 11; tọa lạc tại phường B, thành phố B theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 9110020203 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu cấp cho ông LVT và bà TTH ngày 30/8/1999 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

2/. Bác toàn bộ yêu cầu độc lập của chị LTM và anh LCT về việc yêu cầu NHNNPTNTVN trả số tiền 2.000.000.000 đồng.

3/. Về án phí sơ thẩm: NHNNPTNTVN không phải chịu án phí, NHNNPTNTVN đã nộp 57.289.860 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 006119 ngày 06/01/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu thì nay được hoàn lại toàn bộ số tiền đã nộp.

Bà TTH phải nộp 57.723.646 đồng (Năm mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi ba ngàn sáu trăm bốn mươi sáu đồng).

Anh LCT và chị LTM phải nộp 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm; Chị LTM và anh LCT đã nộp 18.000.000đ tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0002156 ngày 25/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; khấu trừ với số tiền án phí phải nộp, chị LTM và anh LCT còn phải nộp thêm 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng).

4/. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà TTH phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 600.000 đồng, NHNNPTNTVN đã nộp và chi xong, bà TTH phải hoàn trả lại cho NHNNPTNTVN số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng).

5/. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/03/2017). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. B;

- THADS TP. B;
- Các đường sự ;
- Lưu HSVA.

Lê Phan Công Trí